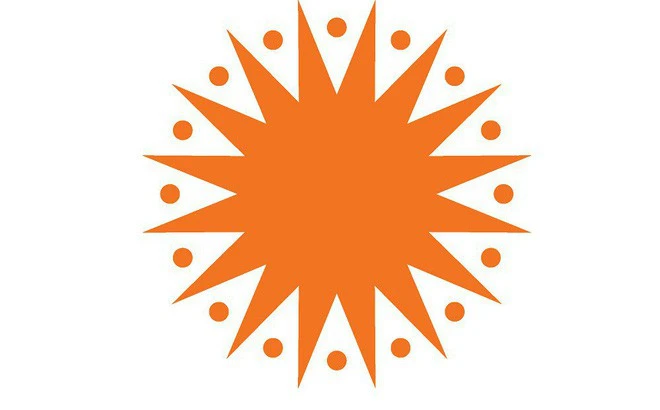
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM

**Khoa NN-VH Nhật Bản**

****

**TIỂU LUẬN MÔN: NGÔN NGỮ HỌC ĐỐI CHIẾU**

**TÊN ĐỀ TÀI: ĐỐI CHIẾU TỪ XƯNG HÔ TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH**

**Họ và tên sinh viên:ĐỖ THÀNH PHÚC**

**Lớp:17-02**

**Mã sinh viên:1777500042**

**Hà Nội, tháng 6 năm 2024**

* **1.Lí do chọn đề tài**

- Vai trò và tầm ảnh hưởng của tiếng Anh trong thời đại ngày nay.

- Xưng hô là hành vi lời nói phổ biến trong giao tiếp.

- Xưng hô là thể hiện khả năng ứng xử, văn hóa giao tiếp và trình độ tri

thức của những người tham gia giao tiếp.

- Việc đối chiếu đại từ nhân xưng giữa tiếng Việt và tiếng Anh sẽ giúp những người học tiếng Anh hiểu rõ hơn về cách sử dụng các đại từ nhân xưng khi vận dụng ngôn ngữ này.

- Qua việc đối chiếu ta thấy rằng yếu tố văn hóa tác động đến chuẩn mực xã hội, tác động hành vi và cách sử dụng ngôn ngữ. Vì thế chúng ta cần biết lựa chọn và sử dụng từ xưng hô sao cho lịch sự và văn hóa.

- Đề tài tiểu luận sẽ góp phần giúp ích cho việc tìm hiểu thêm về văn hóa và ngôn ngữ Việt-Anh.

* **2.Mục đích nghiên cứu**

- Tìm hiểu ý nghĩa của từ xưng hô trong thực tế sử dụng tiếng Việt so sánh với tiếng Anh.

- Chỉ ra sự giống và khác nhau ở nhóm từ xưng hô giữa hai ngôn ngữ cũng như văn hóa giao tiếp của tiếng Việt và tiếng Anh.

- Giúp người học dễ dàng lựa chọn cách ứng xử trong giao tiếp khi ở một trong hai ngôn ngữ, nhất là đối với những người học tiếng Anh.

* **3.Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Tổng quan tài liệu liên quan đến từ xưng hô trong tiếng Việt và tiếng Anh.

- Xây dựng cơ sở lí thuyết liên quan đến đề tài.

- Thống kê hết các từ xưng hô trong tiếng Việt và tiếng Anh qua thực tế sử dụng và các nguồn tư liệu tìm được.

- Tiến hành phân loại và miêu tả phân tích những từ xưng hô và khác biệt trong sử dụng từ xưng hô.

-Phân tích để thấy được những nét đặc trưng văn hóa dân tộc giữa hai ngôn ngữ.

* **4.Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu là các từ ngữ xưng hô trong tiếng Việt và tiếng Anh, và ý nghĩa của nó trong giao tiếp.

- Phạm vi sử dụng hàng ngày: sách vỡ, báo chí, các thông tin đại chúng,…

* **5.Phương pháp nghiên cứu**
* Phương pháp thống kê phân loại
* Phương pháp miêu tả
* Phương pháp phân tích tổng hợp
* Phương pháp so sánh đối chiếu
* 6.Bố cục của tiểu luận

- Ngoài phần **mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo**, đề tài có bố cục 2 chương:

* **Chương 1**: Tổng quan và cơ sở lí luận của đề tài.
* **Chương 2**: Sự tương đồng và khác biệt của từ xưng hô trong tiếng Việt và tiếng Anh.

**Chương 1: Cơ sở lí luận**

* 1.1.Tổng quan nghiên cứu về từ xưng hô
* 1.2.Đặc trnưg văn hóa dân tộc của hệ thống từ xưng hô tiếng Việt

**Chương 2: Sự tương đồng và khác biệt của từ xưng hô trong tiếng Việt và tiếng Anh**

* **2.1.Đối chiếu từ xưng hô trong tiếng Việt và tiếng Anh**
* I. Dùng đại từ xưng hô
* II. Dùng danh từ thân tộc để xưng hô
* III. Dùng tên riêng để xưng hô
* IV. Dùng tên gọi thân mật, biệt danh để xưng hô.
* V. Dùng các đại từ nơi chốn để xưng hô
* **2.2.Yếu tố văn hóa trong xưng hô**

**Chương 1: Cơ sở lí luận**

**1.1. Tổng quan nghiên cứu về từ xưng hô và đại từ xưng hô**

**TỪ XƯNG HÔ LÀ GÌ ?**

* Từ ngữ xưng hô là những từ “dùng thay thế và biểu thị các đối tượng tham gia quá trình giao tiếp (được phản ánh trong nội dung ý nghĩa của thực từ hay tổ hợp thực từ tương ứng)”.
* **Cần phân biệt từ xưng hô với đại từ xưng hô.** Khái niệm “từ xưng hô” có nội hàm rộng hơn khái niệm đại từ xưng hô. “Đại từ xưng hô” chỉ là 1 bộ phận nhỏ nằm trong từ xưng hô.
* Ví dụ: từ xưng hô trong tiếng Việt gồm các loại sau: đại từ xưng hô, danh từ thân tộc, chức danh, nghề nghiệp,…

Như vậy, “đại từ xưng hô” chỉ là 1 bộ phận nhỏ nằm trong từ xưng hồ.

**1.2. Đặc trưng văn hóa dân tộc của hệ thống từ xưng hô tiếng Việt**

**TỪ XƯNG HÔ TRONG TIẾNG VIỆT**

**a).** **Tiếng Việt có hệ thống từ xưng hô phong phú**

* Ngoài ra các đại từ nhân xưng ( số lượng từ rất nhiều do có nhiều biến thể ) còn sử dụng:

-Các danh từ chỉ quan hệ họ hàng: anh/chị-em, ông/bà, cô/chú,…

-Các danh từ nghề nghiệp,chức vụ: thầy cô, bác sĩ,…

Những ý trên có thể thay thế cho đại từtrở thành các đại từ hóa, những đại từ hóa này có xu hướng lần át những đại từ nhân xưng.Trong tiếng Việt có tổng cộng có hơn 60 từ xưng hô.

* Hệ thống xưng hô này cực kì phong phú này thể hiện rõ các đặc tính của nền văn hóa của Việt Nam được trình bày ở các mục tiếp theo.

**b).Có tính chất thân mật hóa cao (đặc tính trọng tình cảm)**

**-**Tất cả mọi người trong cộng đồng đều trở thành bf con họ hàng trong một gia đình.

**c).Có tính chất cụ thể hóa cao (tính linh hoạt)**

-Trong hệ thống từ xưng hô này, không có cái “tôi” chung chung, với mỗi người đối thoại khác nhau,người nói ở vào những cương vị khác nhau, những vai khác nhau.

**d). Có tính xã hội cao ( tính cộng đồng )**

* Hai người nói chuyện với nhau, xưng hô với nhau, nhưng thực ra vẫn luôn kéo cả những người thứ ba, thứ tư,… vào cuộc.

**e). Có tình đa nghĩa cao ( tính tổng hợp )**

* Cùng là hai người, nhưng cách xưng hô có thể đồng thời tổng hợp được các quan hệ khác nhau.Những quan hệ phức tạp khác nhau trong cuộc sống đều được thể hiện trong hệ thống xưng hô của người Việt Nam.

**f). Có tính tôn ti, nhưng đồng thời vẫn rất dân chủ**

* Tôn ti đây là sự thể hiện quan hệ tuổi tác, thứ bậc trong công việc hoặc gia đình họ hàng,…và vì thể hiện đúng, cho nẻn rất dân chủ, công bằng.

**g). Thể hiện tâm lí nhường nhịn, trọng sự hòa thuận**

* Người Việt xưng và hô theo nguyên tắc “xưng khiêm hô tôn”. Tính khiêm nhường này gắn liền với tính xã hội hóa, khiêm nhường đến mức không có một đại từ ngôi thứ nhất chung mà có rất nhiều các tự thể hiện mình khác nhau, với người ngang hàng thì xưng hô “tôi, tớ, mình,…”, với người trên “ con, cháu,…” với người dưới thì xưng “anh/chị, cô/chú,…”.

**Chương 2: Sự tương đồng và khác biệt của từ xưng hô trong tiếng Việt và tiếng Anh**

**2.1.Đối chiếu từ xưng hô trong tiếng Việt và tiếng Anh**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ngôi** | **Tiếng Việt** | **Tiếng Anh** |
| **Số ít** | **Ngôi thứ I** | Tôi, tao, tớ,… | I |
| **Ngôi thứ II** | Mày,bạn,cậu,… | You |
| **Ngôi thứ III** | Nó,anh ấy, cô ấy,… | It,he,she |
| **Số nhiều** | **Ngôi thứ I** | Chúng ta, chúng tôi,… | We |
| **Ngôi thứ II** | Chúng mày, bọn bây,… | You |
| **Ngôi thứ II** | Chúng nó, tụi ấy,… | They |

1. **Dùng đại từ xưng hô**

**II.Dùng danh từ thân tộc để xưng hô**

* Cả tiếng Việt và tiếng Anh đều có danh từ thân tộc. Danh từ thân tộc tiếng Việt nhiều hơn tiếng Anh.
* Tiếng Anh dùng danh từ thân tộc để gọi, không dùng để xưng.
* Còn tiếng Việt dùng danh từ thân tộc để xưng và gọi.

|  |  |
| --- | --- |
| Tiếng Việt | Tiếng Anh |
| 1. Bố, ba, cha, tía, thầy, u, … | 1. Father, dad, daddy,… |
| 2. Mẹ, má, bầm, mệ, mế, … | 2. Mom, mother, mommy,… |
| 3. Anh trai, anh hai, anh,… | 3. Brother |
| 4. Chị gái, chị hai, chị,… | 4. Sister |
| 5. Dì, thím, cô, mợ,… | 5. Aunt |
| 6. Chú, bác,cậu,… | 6. Uncle |
| 7. Bà ngoại, bà nội, bà,… | 7. Grandmother |
| 8. Ông nội, ông ngoại, ông,… | 8. Grandfather |
| 9. Chị (dâu), em(dâu), chị(chồng), em(chồng), …  ( chỉ người con gái ) | 9.Sister-in-law |
| 10. Anh(rể), em (rể), anh (chồng), em(chồng),…  ( chỉ người con trai ) | 10. Brother-in-law |
| 11. …. | 11….. |

**III. Dùng tên riêng để xưng hô**

* Tiếng Việt: dùng tên để xưng hô. Ví dụ như Hoa, Lan, Minh,...
* Tiếng Anh: dùng họ để gọi, không xưng

**IV. Dùng tên gọi thân mật, biệt danh để xưng hô**

* Cả hai ngôn ngữ đều dùng để hô, không xưng

|  |  |
| --- | --- |
| Tiếng Việt | Tiếng Anh |
| Em yêu, anh yêu, cún, nhím, cu, cò, gấu,… | Honey, babe, darling, baby, wife,… |

**V. Dùng từ chỉ nghề nghiệp, chức danh để xưng hô**

* Tiếng Việt dùng để gọi, ít xưng
* Tiếng Anh dùng để gọi, không xưng

|  |  |
| --- | --- |
| Tiếng Việt | Tiếng Anh |
| Giám đốc, đại ca, chị đại, anh lớn, sếp, sếp tổng, … | Boss,leader,Sir,Madam,… |
| Thầy/cô giáo, bác sĩ, cô lao công, … | Teacher, doctor, cleaner,… |

**VI. Dùng các đại từ chỉ nơi chốn để xưng hô**

|  |  |
| --- | --- |
| Tiếng Việt | Tiếng Anh |
| ấy, đằng ấy, bên đó, bên này, đằng đó,… | Không có |

**2.2.Yếu tố văn hóa trong xưng hô**

* Cách xưng hô luôn luôn biểu lộ đặc trưng tâm lý, nếp suy tư và văn hóa của dân tộc. Trong tiếng Việt cách xưng hô rất phong phú và phức tạp.
* Các đại từ nhân xưng như: “tôi, tao, tớ, chúng tôi, bọn tớ,…” còn có các danh từ chỉ liên hệ họ hàng như “ cô, dì, chú, bác,…”.Chính những hệ thống xưng hô này đã nói lên đặc điểm văn hóa Việt Nam. Chúng được ứng dụng tùy theo tình cảm của người phát biểu và trường hợp cụ thể khi nói chuyện. Cùng tiếp xúc một người, người ta có thể dùng những cặp từ xưng hô khác nhau như: “anh- em, anh – tôi, ông – tôi, mày – tao” tùy theo từng trường hợp.Trái lại trong ngôn ngữ Tây phương, chỉ sử dụng các đại từ nhân xưng như: “I, he, she, …”
* Nếu so sánh các danh từ chỉ liên hệ họ hàng trong các ngôn ngữ, chúng ta sẽ thấy nhiều điểm khác nhau có khi thú vị, khôi hài và kỳ lạ. Ví dụ trong tiếng Việt cháu (trai, gái) chỉ người thế hệ sau, nhưng không phải là con, gồm: “con của con; con của anh, chị và em”. Trong tiếng Anh cũng có “grand child, nephew và niece”. Nhưng nếu dạy tiếng Việt cho người Anh, Mỹ thì “cháu” lại có thể là “con”, có thể là “tôi” nữa. Ví dụ hỏi một thanh niên: “Anh đã có cháu nào chưa?”,hay nói: “Thưa các cụ , cháu không dám ạ!”.Như vậy cách xưng hô nói lên những đặc trưng bối cảnh văn hóa xã hội của từng ngôn ngữ, cần được nghiên cứu bằng kết hợp văn hóa và ngôn ngữ.

**Một số nhận xét rút ra**

* **1.Tiếng Việt dùng từ xưng hô phong phú hơn tiếng Anh**
* Ví dụ: Từ “I” trong tiếng Anh bằng với “tôi, tao, tớ, mình,..” và “anh, chị, em, cô, dì, chú, bác,...” và “đằng này, bên này,..”.
* Danh từ thân tộc tiếng Anh theo nghiên cứu của Dương Thị Nụ có 31 từ, tiếng Việt có 50 từ.
* 2. **Tiếng Việt có khuynh hướng chú trọng đến vai vế và tuổi tác**, và coi điểu này rất quan trọng trong giao tiếp. Việc sử dụng các từ xưng hô thân tộc để chỉ tự bản thân mình, để xưng hô với người đối thoại chứng tỏ rẳng **cách xưng hô trong giao tiếp của tiếng Việt thiên về gia đình, các mối quan hệ thân thuộc**. Còn **tiếng Anh thì lại có xu hướng cá nhân chủ nghĩa hơn, lí tính hơn** (cặp xưng hô I/You mang tính khách quan và phi biểu thái).
* 3. Tiếng Việt và tiếng Anh giống nhau ở chỗ sử dụng đại từ nhân xưng trong phạm trù lịch sự, nhưng có sự khác biệt:

- Trong tiếng Anh ( đại từ nhân xưng) thường không thể hiện rõ sắc thái nghĩa (lịch sự/không lịch sự).

- Trog tiếng Việt thì được biểu hiện rất rõ ràng.

Để biểu thị sắc thái lịch sự, thái độ của người nói khi xưng hô, ví dụ như:

- Trong tiếng Anh ngôi thứ nhất có đại từ “I” nhưng tiếng Việt có “tôi, tao, tớ,…”

Tùy trường hợp mà chọn các đại từ cho phù hợp để xác định được sự tôn trọng của đối phương qua cách xưng hô.

Tiếng Việt khi xnưg hô luôn phải đảm bảo **xưng khiêm hô tốn**.

* 4. Tiếng Việt sử dụng chủ yếu các đại từ chỉ quan hệ thân tộc để xưng hô, còn trong tiếng Anh chỉ dùng để gọi, không xưng. Từ đó thấy được văn hóa Việt Nam có tính cộng đồng mạnh mẽ.

Đây chính là nét khác biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt. Vì ở tiếng Anh từ chỉ thân tộc hầu như được sử dụng để hô, do vậy khi xưng (dùng I ) sẽ không có tương đương trong dịch thuật Anh-Việt và đây cũng là một vấn đề đặt ra cho dịch thuật.

VD;Trong tiếng Việt có các từ “con, cháu, em, cô, dì,…” để xưng hô nhưng trong tiếng Anh những từ tương đương như “Aunt (dì, cô), uncle (chú, bác),… lại không dùng để xưng trực tiếp.

**Tài liệu tham khảo**

**Wikipedia: Từ nhân xưng tiếng Việt**

**Luanvan.co**

**Luanvan.net.vn**

**Studocu.com**

**Ioe.vn**